

Bản án số: 164/2023/HC-PT

Ngày: 21/3/2023

V/v: “Yêu cầu hủy quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường và quyết định giải quyết khiếu nại”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Vân Hương.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Thế Lệ;
Ông Nguyễn Mạnh Tiến.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 376/2022/TLPT-HC ngày 13 tháng 9 năm 2022, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số 06/2022/HC-ST ngày 30 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2356/2023/QĐ-PT ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, vụ án có các đương sự sau:

* **Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện X, tỉnh H. Vắng mặt, có đơn đề ngày 20/3/2023 đề nghị xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Dương Văn Q, Công ty luật TNHH A, thuộc Đoàn luật sư tỉnh B. Vắng mặt, có đơn ngày 13/3/2023 đề nghị xét xử vắng mặt.

* **Người bị kiện:** 1. Chủ tịch UBND huyện X, tỉnh H.
2. UBND huyện X, tỉnh H.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Văn H, Phó Chủ tịch UBND huyện X, tỉnh H (Văn bản ủy quyền số 71/UQ-UBND ngày 06/02/2023 của Chủ tịch UBND huyện X). Vắng mặt, có văn bản số 73/UBND-TNBMT ngày 07/2/2023 trình bày ý kiến và đề nghị xét xử vắng mặt.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. UBND xã Y, huyện X, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Đ, Chủ tịch UBND xã Y (Văn bản ủy quyền số 02/UQ-UBND ngày 07/02/2023 của UBND xã Y). Vắng mặt, có văn bản số 18/CV-UBND ngày 07/2/2023 trình bày quan điểm và đề nghị xét xử vắng mặt).

2. UBND xã C, huyện X, tỉnh H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn H, Chủ tịch UBND xã C (Văn bản ủy quyền số 02UQ-UBND ngày 07/02/2023 của Chủ tịch UBND xã C). Vắng mặt, có văn bản số 28/CV-UBND ngày 07/02/2023 trình bày ý kiến và đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Bà Ngô Thị H, sinh năm 1968; địa chỉ: Thôn T, xã Y, Huyện X, tỉnh H. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn A.

4. Thôn Z, xã C, huyện X, tỉnh H.

Người đại diện: Ông Ngô Văn K - Trưởng thôn. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2007 đến năm 2009, do nhu cầu kinh phí để xây dựng nhà văn hoá và làm đường bê tông, được sự nhất trí chỉ đạo của Đảng uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân xã C, Ban lãnh đạo thôn Z đã thông báo việc chuyển nhượng một số diện tích đất tại khu Vườn Đông Đồng Đáy của thôn và vận động người dân mua đất nông nghiệp với cam kết sẽ hoàn thiện đầy đủ giấy tờ sử dụng lâu dài cho người mua với giá chuyển nhượng đất thuỷ sản lâu dài cho người mua với giá là 7.000.000 đồng/sào và thu tiền làm giấy tờ cho người mua sử dụng lâu dài là 300.000 đồng/sào.

Ông Nguyễn Văn A đã mua 2057,3m² đất canh tác có phía Đông dài 71,7m giáp nhà ông Bùi Văn C; phía Tây dài 65m giáp nhà ông Phạm Văn T; phía Nam dài 31,5m giáp đường mương; phía Bắc dài 28,8m giáp đường theo Biên bản chuyển nhượng đất nuôi trồng thủy sản lâu dài ngày 30/12/2009. Hiện nay là thửa số 144, bản đồ số 3, diện tích 2046,1m². Gia đình ông đã sử dụng đất ổn định lâu năm, không tranh chấp, hàng năm có thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác đầy đủ từ thời điểm nhận chuyển nhượng đất đến hiện tại.

Tại Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 của UBND huyện X về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp đường TL284 đoạn Thị trấn T đi VT, huyện X, diện tích đất bị thu hồi của ông A là 420,8m². Tuy nhiên Quyết định 2725/QĐ-UBND lại xác định diện tích bị thu hồi của gia đình ông A là “đất công ích”, sử dụng theo hình thức “tạm giao” và có nội dung ghi chú là “mua đất của thôn (7 triệu/sào có hợp đồng chuyển nhượng giữa thôn với các hộ trước năm 01/7/2014) bồi thường hỗ trợ cho hộ gia đình 30% giá đất”, ông A không đồng ý với nội dung Quyết định số 2725/QĐ-

UBND nêu trên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2021, Chủ tịch UBND huyện X ban hành Quyết định số 1375/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu. Theo đó, nội dung khiếu nại mà ông A đã đưa ra không được chấp nhận, diện tích đất bị thu hồi mà gia đình ông A đang sử dụng vẫn được xác định là đất công ích. Trong khi đó, diện tích đất ông A đang sử dụng có nguồn gốc mua của thôn Z, xã C, huyện X, tỉnh H (có văn bản chuyển nhượng viết tay) từ năm 2008-2009 và đã sử dụng ổn định, lâu dài, không tranh chấp từ khi nhận chuyển nhượng đến nay.

Ông A đồng ý với chủ trương chính sách thu hồi đất của Nhà nước, tuy nhiên ông A không đồng ý với phương án bồi thường được phê duyệt theo giá đất tạm giao. Ông A mua đất với giá đất lâu dài, sau khi mua đất đã bỏ công sức tân tạo nên ông A đề nghị phải bồi thường cho ông A theo giá đất giao lâu dài. Đối với diện tích còn lại chưa thu hồi ông A đề nghị chính quyền hợp thức hóa cho ông A quyền sử dụng hợp pháp là đất lâu dài để đảm bảo quyền lợi chính đáng cho ông A.

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Hủy một phần Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 của UBND huyện X về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp đường TL284 đoạn Thị trấn T đi VT, huyện X đối với ông Nguyễn Văn A. Thu hồi 420m².

2. Hủy Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện X về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Nguyễn Văn A.

3. Xác định diện tích đất 2046,1 m² gia đình ông A đang sử dụng thuộc quyền sử dụng hợp pháp, được Nhà nước giao đất sử dụng lâu dài.

** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:*

- Về việc lập hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ

Đối với công tác lập hồ sơ thu hồi đất bồi thường, hỗ trợ GPMB Dự án, Phòng Tài nguyên và Môi trường (Cơ quan thường trực của Hội đồng bồi thường GPMB) đã thực hiện các bước quy trình đảm bảo đúng quy định của luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Trong quá trình thực hiện chi trả tiền bồi thường, đến nay còn 06 hộ chưa nhận tiền bồi thường, hỗ trợ; trong đó có Hộ ông Nguyễn Văn A, thường trú thôn Thận Trai, xã Y:

+ Thửa số 144 tờ bản đồ địa chính số 26 xã Y, diện tích 2.046,1 m² do hộ gia đình ông Nguyễn Văn A đang sử dụng, loại đất: đất chuyên trồng lúa nước (LUC), diện tích đất cần thu hồi để thực hiện Dự án là 420,8m², hình thức sử dụng là đất tạm giao. Kinh phí được bồi thường, hỗ trợ: 12.624.000 đồng.

- Về việc giải quyết đơn của 06 hộ gia đình, cá nhân:

Trong thời gian công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, Hội đồng bồi thường GPMB Dự án nhận được đơn đề nghị của 06 hộ gia đình, cá nhân gồm: Vũ V, Phạm T, Bùi C, Nguyễn Văn A, Trần Văn T và Phạm V đề nghị Hội đồng bồi thường GPMB Dự án xem xét lập phương án bồi thường, hỗ

trợ khi Nhà nước thu hồi đất là đất nông nghiệp giao ổn định, lâu dài.

Ngày 23/8/2021, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 1375/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của 06 công dân trên.

Tại Điều 1, Quyết định 1375/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện X có ghi: “Không chấp nhận nội dung khiếu nại của các công dân, vì các công dân không cung cấp được bằng chứng, chứng cứ có liên quan để xác định diện tích đất công dân đang khiếu nại là đất được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao ổn định, lâu dài để được bồi thường, hỗ trợ theo loại đất giao ổn định, lâu dài như đơn khiếu nại của công dân. Do vậy, nội dung khiếu nại của 06 công dân Vũ V, Phạm T thôn Z, xã C; Bùi C, Nguyễn Văn A, thôn Thận Trai, xã Y; Trần Văn T, Phạm V, thôn H, xã Y là không có cơ sở pháp lý”.

- Về nguồn gốc các thửa đất mà các hộ gia đình, cá nhân

Các thửa đất mà các hộ gia đình, cá nhân có đơn

Thửa số 144 tờ bản đồ địa chính số 26 xã Y, diện tích 2.046,1 m² do hộ gia đình ông Nguyễn Văn A đang sử dụng, loại đất: đất chuyên trồng lúa nước (LUC), diện tích đất cần thu hồi để thực hiện Dự án là 420,8m².

Về diện tích đất nông nghiệp của hộ ông Nguyễn Văn A được giao theo định suất năm 1993, 2016:

Năm 1993, hộ gia đình ông Nguyễn Văn A, được Nhà nước giao 3,0 định suất với tổng diện tích đất nông nghiệp được giao là 1.372,0m².

Năm 2016, thực hiện dự án xây dựng hệ thống hồ sơ địa chính và cơ sở dữ liệu đất đai huyện X, hộ gia đình ông A được giao 03 thửa đất với tổng diện tích đất nông nghiệp là 1.390,9 m².

Như vậy, tổng diện tích đất nông nghiệp của hộ gia đình ông Nguyễn Văn A được giao năm 2016 nhiều hơn diện tích đất nông nghiệp được giao năm 1993 là 18,9 m². Hộ gia đình ông A không có ý kiến, kiến nghị, phản ánh về kết quả dồn điền đổi thửa đã được UBND huyện X phê duyệt năm 2016, hiện đang canh tác, sử dụng thửa đất này.

Căn cứ pháp lý lập hồ sơ thu hồi đất, bồi thường, GPMB

Căn cứ vào Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993, UBND huyện X đã giao đất nông nghiệp theo định suất cho các hộ gia đình, cá nhân theo quy định.

Đối chiếu giữa Hồ sơ địa chính năm 1993, 1999 (Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Sổ địa chính) và Hồ sơ địa chính năm 2016, Phương án dồn điền đổi thửa được UBND huyện X phê duyệt năm 2016 cho thấy, diện tích đất nông nghiệp của các hộ gia đình, cá nhân có sự tương đồng.

Trong quá trình rà soát, thu thập hồ sơ, giấy tờ sử dụng đất của các hộ gia đình cung cấp cho thấy: Toàn bộ các thửa đất mà các công dân có Đơn được cơ sở thôn Z, xã C giao trong khoảng thời gian từ 2007 đến 2009 với giá chuyển nhượng bình quân là 7.000.000 đồng/sào, lệ phí chuyển dịch là 300.000 đồng/sào với thời hạn là lâu dài để nuôi trồng thủy sản. Việc cơ sở thôn Z, xã C giao đất cho các hộ gia đình, cá nhân là không đúng thẩm quyền, không đúng thời hạn.

Ngày 01/9/2020, UBND huyện X có Văn bản số 781/UBND-TNMT về việc đồng ý cho phép bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất để thực hiện Dự án. Trong đó có nội dung: “3. Đồng ý các thửa đất thôn Z bán cho các hộ gia đình (có biên bản viết tay giữa hộ và lãnh đạo thôn Z) năm 2008, 2009 của các hộ: Bùi C, Nguyễn Văn A, Tống Đức Hưng, Phạm T, Trần Văn Toàn, Vũ V cho phép bồi thường, hỗ trợ là đất nông nghiệp công ích. Đối với các trường hợp khác thôn bán sau ngày 01/7/2014 không bồi thường, hỗ trợ cho các hộ.”

Căn cứ vào Điều 82; Khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai năm 2013 và Điểm d, Khoản 1, Điều 25 Quyết định số 528/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 (tương ứng với Điểm c, Khoản 1, Điều 21, Quyết định số 19/2020/QĐ-UBND ngày 30/12/2020) của UBND tỉnh H, việc UBND huyện X quyết định thu hồi đất, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với 06 hộ gia đình cá nhân trên là đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích do UBND xã Y quản lý là đúng quy định nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Đại diện UBND xã C trình bày: Việc bán đất đều do thôn ra nghị quyết chỉ bộ để chuyển đổi, bán cho nhân dân. Thời điểm đó UBND xã chưa có chỉ đạo, chưa ban hành nghị quyết nào để cho thôn thực hiện chủ trương đó. Hiện nay khu đất thu hồi này thuộc địa giới hành chính của xã Y. UBND xã C đồng quan điểm với quan điểm của UBND huyện X. Đề nghị Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Đại diện UBND xã Y trình bày: toàn bộ diện tích đất nông nghiệp mà thôn Z, xã C bán trái thẩm quyền nằm trên địa giới hành chính xã Y tuy nhiên lại thuộc quyền quản lý của xã C (đất xâm canh) vì vậy vào thời điểm năm 2007 - 2009 việc thôn Tuấn La bán cho các hộ dân không liên quan gì đến thẩm quyền giải quyết của xã Y. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Đại diện thôn Z trình bày:

Diện tích đất nông nghiệp của gia đình ông Nguyễn Văn A đang có đơn khởi kiện có nguồn gốc trước đây là thung vũng, vườn, đồng do chính quyền thôn Z bán cho các hộ dân từ thời kỳ năm 2007-2009 để lấy kinh phí xây dựng nhà văn hóa, làm đường phục vụ cho nhu cầu của nhân dân. Đến nay các hộ gia đình vẫn đang sử dụng đất mua nêu trên và chưa được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất này. Quá trình sử dụng diện tích đất nông nghiệp này, thôn Z có thu khoán của các hộ gia đình theo quy định của địa phương, đối với thuế thì đất nông nghiệp được miễn. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2022/HC-ST ngày 30/6/2022, Tòa án nhân dân tỉnh H đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;

Căn cứ Điều 62, Điều 66, Điều 69 Luật đất đai 2013; Điều 18, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật khiếu nại 2011

Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi

thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A gồm:

- Bác yêu cầu Hủy một phần Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 của UBND huyện X về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp đường TL284 đoạn Thị trấn T đi VT, huyện X đối với ông Nguyễn Văn A.

- Bác yêu cầu Hủy Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện X về việc giải quyết khiếu nại lần đầu đối với ông Nguyễn Văn A.

- Bác yêu cầu Xác định diện tích đất 2.046,1 m² gia đình ông A đang sử dụng thuộc quyền sử dụng hợp pháp, được nhà nước giao đất sử dụng lâu dài.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 06/7/2022, ông Nguyễn Văn A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Người khởi kiện đề nghị xem xét chấp nhận kháng cáo. UBND huyện X, Ủy ban nhân dân xã Y và UBND xã C đều có văn bản trình bày ý kiến giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án với nội dung: Tài liệu hồ sơ vụ án và quy định của Luật đất đai, đủ cơ sở xác định đất của ông A có nguồn gốc giao trái thẩm quyền, trên sổ sách địa chính là đất công ích do UBND xã Y quản lý nên không đủ điều kiện để được công nhận quyền sử dụng đất hợp pháp được giao ổn định, lâu dài. Tòa án cấp sơ thẩm đã bác toàn bộ các yêu cầu khởi kiện là có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính, bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn A và giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Tòa án nhân dân tỉnh H thụ lý giải quyết vụ án hành chính đơn khởi kiện ngày 15/9/2021 của ông Nguyễn Văn A đối với Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 của UBND huyện X và Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 của Chủ tịch UBND huyện X về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, là đúng quy định tại Điều 30, 32, 116 Luật tổ tụng hành chính; Điều 204 Luật đất đai 2014.

Bản án sơ thẩm đã xem xét đánh giá về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành các Quyết định hành chính đã được người bị kiện thực hiện đúng quy định.

[2] Xét kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn A cho rằng đất được giao đủ điều kiện được công nhận:

[2.1] Về nguồn gốc 420,8m² đất nông nghiệp thu hồi của gia đình ông A nằm trong 2.046,1 m² đất có nguồn gốc do thôn Z, xã C giao sử dụng trong khoảng thời gian từ 2007 đến 2009, thôn có thu tiền bình quân là 7.000.000 đồng/sào và thu lệ phí chuyển dịch là 300.000 đồng/sào, thời hạn giao lâu dài mục đích để nuôi trồng thủy sản.

Theo quy định tại Điều 37 Luật đất đai 2003, việc thôn Z, xã C bán 2.046,1 m² đất nông nghiệp cho gia đình ông A là thuộc trường hợp giao đất trái thẩm quyền. Cho đến thời điểm thu hồi, hộ gia đình ông A không có bất cứ giấy tờ gì để làm căn cứ xác lập quyền sử dụng đất hợp pháp theo quy định của Luật đất đai, chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất được giao trái thẩm quyền. Đại diện thôn Z xác định sau đó vẫn thu khoán của hộ gia đình theo quy định của địa phương.

Căn cứ nguồn gốc đất và hồ sơ địa chính đất đai, khi thu hồi đất để thực hiện Dự án đầu tư xây dựng cải tạo, nâng cấp đường TL284 đoạn Thị trấn T đi VT, huyện X không đủ cơ sở để bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình ông A về đất nông nghiệp là hợp pháp. Hộ gia đình ông A đã được hỗ trợ theo quy định của UBND tỉnh H tại Quyết định 552/2014/QĐ-UBND ngày 28/12/2014 và 528/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014, Đối với đất tạm giao: bồi thường về đất 21.000đ/m²; bồi thường hoa màu 9.000 đ/m². Tổng kinh phí bồi thường hỗ trợ là 30.000đ/; Như vậy là đã bảo đảm quyền lợi cho hộ gia đình ông A.

[2.2] Thực tế, gia đình ông A đã được địa phương giao đất nông nghiệp đầy đủ theo định suất năm 1993 và năm 2016 để canh tác.

[2.3] Với các tài liệu chứng cứ nêu trên, UBND huyện X đã ban hành Quyết định số 2725/QĐ-UBND ngày 02/11/2020 và Chủ tịch UBND huyện X đã ban hành Quyết định số 1375/QĐ-UBND ngày 23/8/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu, là có căn cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A là có cơ sở.

[3] Ông A kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ tài liệu chứng minh nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận, ông Nguyễn Văn A phải nộp tiền án phí phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 220 khoản 2, khoản 4 Điều 225, khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 Luật Tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn A và giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2022/HC-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn A phải chịu 300.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng tại Biên lai số A/2021/0000198 ngày 18/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh H được đối trừ đi số tiền án phí phải nộp.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 21/3/2023.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh H.
- Lưu hồ sơ vụ án, TANDCC.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Thị Vân Hương

